

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/ HNGĐ- ST

Ngày 24/12/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bạ

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2021/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh H;

Bị đơn: Chị Khánh Thị H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 113, Chung cư T, số 159/21, đường số 11, phường T, quận T(nay là thành phố T), thành phố H.

Anh Q và chị H đều vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Anh Q và chị H kết hôn ngày 15 tháng 7 năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C(nay là UBND phường C), thành phố C, tỉnh H. Khi đó, chị H 30

tuổi, anh quý 27 tuổi, anh chị đều đang sinh sống và làm việc tại thành phố H. Anh chị có thời gian quen biết, tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đến với nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại thành phố H. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2012, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xích mích, bất đồng từ việc sinh hoạt hằng ngày, cách cư xử với gia đình hai bên. Tuy vậy, vì con cái anh chị vẫn tiếp tục chung sống với nhau. Đến năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng. Theo anh Q, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi cọ, xúc phạm lẫn nhau. Theo chị H, mâu thuẫn là do chị có nghe dư luận anh Q có người phụ nữ khác, cụ thể là ai thì chị không biết. Nhưng anh Q không còn quan tâm gì đến vợ con, gia đình. Sau một lần anh chị xảy ra cãi cọ, xô xát, anh Q chuyển ra ngoài sinh sống. Anh chị đi đâu làm gì cũng không còn quan tâm đến nhau. Thời gian gần đây, anh chị liên lạc lại với nhau nhưng chủ yếu để nói chuyện ly hôn và thỏa thuận về việc nuôi con và phân chia tài sản chung của vợ chồng. Nay anh Q giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị H, chị H nhất trí ly hôn anh Q.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Hoàng Minh K, sinh ngày 12/7/2011, hiện đang ở với chị H. Nếu vợ chồng ly hôn, anh chị đều thỏa thuận giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị H là 8.000.000đồng/1 tháng, cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng, kể từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Hiện tại, chị H đang làm lao động tự do, thu nhập hàng tháng là 10.000.000đồng, anh Q làm luật sư, thu nhập hàng tháng là 20.000.000đồng, thường xuyên phải đi lại nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ: Anh Q và chị H đã tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ.

Qua xác minh với chị G, anh Q1 là họ hàng nhà anh Q xác nhận: Anh Q hiện đang sinh sống cùng bà nội già yếu ở khu dân cư C, phường C. Bố mẹ đẻ anh Q đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Còn bố mẹ đẻ chị H ở T. Anh chị có đăng ký kết hôn và có tổ chức lễ cưới tại khu dân cư C, phường C. Thời gian anh chị sinh sống chủ yếu ở thành phố H. Nhưng từ năm 2019, anh Q đã về khu dân cư C sinh sống. Chị H rất ít khi về nhà chồng. Trong gia đình có công việc hay lễ tết chị Huyền cũng không về và không liên lạc, đối xử với nhà chồng lạnh nhạt. Theo anh chị cho biết, anh Q chị H sinh sống cùng nhau có rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình anh Q khó khăn nên chị H coi thường. Mỗi lúc vợ chồng cãi cọ, xích mích nhau là chị H có lời nói xúc phạm anh Q và gia đình anh Q khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt và đến nay không thể hàn gắn được. Nay anh Q xin ly hôn chị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng anh chị và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Anh Q và chị H đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 127, khoản 1 và khoản 3 Điều 128 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Cho anh Hoàng Văn Q được ly hôn với chị Khánh Thị H. Về con chung: Giao con chung Hoàng Minh K, sinh ngày 12/7/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Huyền là 8.000.000đồng/1 tháng kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng. Về án phí: Anh Q chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Hoàng Văn Q khởi kiện xin ly hôn đối với chị Khánh Thị H có địa chỉ cư trú tại thành phố T, thành phố H, tuy nhiên anh chị đều có đơn chọn Tòa án nhân dân thành phố C để giải quyết ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Khánh Thị H là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q, chị H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị sinh sống được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng việc sinh hoạt hằng ngày, làm ăn kinh tế và đối xử với gia đình hai bên. Chị H có nghi ngờ anh Q không chung thủy, có người phụ nữ khác. Anh Q cho rằng chị H coi thường và có lời nói xúc phạm đến anh và gia đình anh nên anh không thể chấp nhận chị H được. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2019, bỏ mặc nhau, không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm và kinh tế. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh Q chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận anh Q được ly hôn chị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Cháu K đang sinh sống ổn định cùng với chị H từ trước đến nay và hiện đang theo học tại trường Tiểu học tại quận B, thành phố H. Chị H có việc làm, có thu nhập, có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Vì vậy, việc tiếp tục giao Khôi cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo sự được sự phát triển mọi mặt của cháu, cũng như phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và thoả thuận của anh chị, phù hợp với nguyện vọng của cháu Khôi. Về mức cấp dưỡng, anh Q và chị H thoả thuận anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị H là 8.000.000đồng/ 1 tháng, kể từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng. Xét việc thoả thuận của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Anh Q và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Anh Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 127, khoản 1 và khoản 3 Điều 128 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn Q.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn Q ly hôn chị Khánh Thị H.

- Về con chung: Giao con chung là Hoàng Minh K, sinh ngày 12/7/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 1/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Huyền là 8.000.000đồng/ 1 tháng kể từ tháng 1/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng.

Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị H yêu cầu thi hành án, nếu anh Q chậm thi hành số tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời

gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Anh Hoàng Văn Q phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, đối trừ với số tiền 300.000đồng anh Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0002794 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H. Anh Hoàng Văn Q còn phải nộp số tiền 300.000đồng.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND phường C, thành phố C(để ghi vào sổ hộ tịch) ;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương